

Bản án số: 66 /2020/DS-ST

Ngày: 29/7/2020

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯƠNG MỸ – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Tưởng Ngọc Tuấn

Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Trung Úy

Ông Nguyễn Ngọc Quý

Thư ký phiên toà: Ông Tô Mạnh Hà – Thư ký TAND huyện Chương Mỹ.

Đại diện VKSND huyện Chương Mỹ tham gia phiên toà: Bà Triệu Thị Hồng
– Kiểm sát viên.

Ngày 29/7/2020, tại trụ sở TAND huyện Chương Mỹ tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự sơ thẩm thụ lý số 74/2020/TLST-DS ngày 25/5/2020 về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2020/QĐXX –DS, ngày 13/7/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc tế Việt Nam; Địa chỉ: Tầng 1 (tầng trệt) và tầng 2, tòa nhà Sailing Tower. Số 111A Pasteur, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh; Người đại diện theo pháp luật: Ông Hàn Ngọc Vũ –Tổng Giám đốc; Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Minh Hải.

2. Bị đơn:

2.1. Ông Nguyễn Tương T, sinh năm 1975

2.2. Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1975.

Đều HKTT và trú tại: Thôn Quyết Tiến, xã Tiên Phương, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Nguyễn Thị Á, sinh năm 1932

3.2. Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1997

3.3. Anh Nguyễn Tương H, sinh năm 2001

Đều trú tại: Thôn Quyết Tiến, xã Tiên Phương, Chương Mỹ, Hà Nội.

Tại phiên tòa có mặt ông H, ông T, bà P; vắng mặt bà Á, chị H, anh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

I. Trong đơn khởi kiện nộp tại Tòa án và quá trình tiến hành tố tụng và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn trình bày:

1.1 . Về yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả nợ:

Ông Nguyễn Tương T và bà Nguyễn Thị P vay vốn tại Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Hà Đông – Phòng Giao dịch Nguyễn Huệ (gọi tắt là VIB) với tổng số tiền là **700.000.000 đồng** theo Hợp đồng tín dụng số **097/HĐTD1-VIB038/10 ngày 17/6/2010, với nội dung:**

- Số tiền ngân hàng cho ông T, bà P vay: 700.000.000 đồng
- Giải ngân số tiền: 700.000.000 đồng theo Khế ước nhận nợ số 097/KUNN1-VIB038/10 ngày 17/6/2010.
- Mục đích vay: Bổ sung vốn mua sắm trang thiết bị nội thất gia đình.
- Thời hạn vay: 60 tháng kể từ ngày 17/06/2010.
- Lãi suất vay: 17,8%/năm, điều chỉnh 06 tháng/lần bằng lãi suất điều chuyển vốn kinh doanh VND kỳ hạn 06 tháng + biên độ lãi suất tối thiểu 5,8%/năm, phù hợp với chính sách lãi suất của VIB và pháp luật.

Sau khi vay, ông T, bà P đã trả được cho ngân hàng tổng số tiền: 369.705.890đ. Trong đó gồm: nợ gốc 198.220.000đ, lãi trong hạn: 171.460.277đ; lãi quá hạn: 25.613đ.

Khoản vay của ông T, bà P quá hạn từ ngày 05/12/2011.

Tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu ông Nguyễn Tương T và bà Nguyễn Thị P phải trả cho ngân hàng tổng số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 21/7/2020 là: 2.119.227.557 đồng. Trong đó gồm: Nợ gốc: 501.780.000 đồng; Nợ lãi trong hạn: 197.403.568 đồng; Nợ lãi quá hạn: 1.420.043.989 đồng.

Kể từ ngày 22/7/2020 vợ chồng ông T và bà P tiếp tục chịu lãi và lãi quá hạn đối với số tiền gốc còn nợ theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

2. Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp:

Để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ, các bên đã ký kết: Hợp đồng thế chấp số công chứng: 1732/2010, quyền số 04 TP/CC-SCC/HĐTC ngày 10/06/2010 tại Văn phòng công chứng Hà Đông, TP Hà Nội.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại thửa đất số 435, tờ bản đồ số 08, tại thôn Quyết Tiến, xã Tiên Phương, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: U 425586 do UBND huyện Chương Mỹ cấp ngày 30/12/2001 cho hộ ông Nguyễn Tương T.

Trong trường hợp ông T và bà P không trả được nợ, VIB yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp các bên đã ký kết.

II. Bị đơn ông Nguyễn Tương T và bà Nguyễn Thị P trình bày:

1. Về nghĩa vụ trả nợ:

Năm 2010 ông Nguyễn Tương T và bà Nguyễn Thị P có được người em họ của ông T là ông Nguyễn Tương Thư đặt vấn đề nhờ ông bà đứng ra làm thủ tục vay giúp tại ngân hàng để ông Thư sử dụng vào công việc cá nhân. Do đó, ông T, bà P đã ký kết Hợp đồng tín dụng số 097/HĐTD1-VIB038/10 ngày 17/6/2010 và Khế ước nhận nợ số 097/KUNN1-VIB038/10 ngày 17/6/2010 với ngân hàng Quốc tế Việt Nam.

Số tiền ông T, bà P được ngân hàng giải ngân cho vay là 700.000.000 đồng.

Ông T, bà P xác nhận đã trả được cho ngân hàng tổng số tiền: 369.705.890đ. Trong đó gồm: nợ gốc 198.220.000đ, lãi trong hạn: 171.460.277đ; lãi quá hạn: 25.613đ. Sau đó thì ông Thư, ông T, bà P gặp nhiều khó khăn dẫn đến thất thoát vốn và chưa trả hết nợ cho ngân hàng.

Tính đến ngày 21/7/2020 ông T và bà P xác định còn nợ ngân hàng tổng số tiền là: 2.119.227.557 đồng. Trong đó gồm: Nợ gốc: 501.780.000 đồng; Nợ lãi trong hạn: 197.403.568 đồng; Nợ lãi quá hạn: 1.420.043.989 đồng.

2. Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp:

Bị đơn xác nhận để đảm bảo cho khoản vay theo hợp đồng tín dụng trên, Các bên có ký Hợp đồng thế chấp số công chứng: 1732/2010, quyển số 04 TP/CC-SCC/HĐTC ngày 10/06/2010 tại Văn phòng công chứng Hà Đông, TP Hà Nội.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại thửa đất số 435, tờ bản đồ số 08, tại thôn Quyết Tiến, xã Tiên Phương, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: U 425586 do UBND huyện Chương Mỹ cấp ngày 30/12/2001 cho hộ ông Nguyễn Tương T.

Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì ông bà quan điểm đề nghị ngân hàng xem xét tạo điều kiện cho ông bà trả nợ gốc còn lại và lãi trong hạn, còn toàn bộ lãi quá hạn thì ông bà xin được miễn vì điều kiện hoàn cảnh gặp nhiều khó khăn để ông bà có điều kiện trả nợ, giải chấp tài sản vì gia đình ông bà không còn chỗ ở nào khác.

Đại diện Viện kiểm sát huyện Chương Mỹ thể hiện quan điểm:

Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tố tụng và thu thập chứng cứ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã được Tòa án yêu cầu tham gia đúng và đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng của họ;

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Cụ thể:

- Buộc bị đơn phải trả nguyên đơn toàn bộ số tiền còn nợ tính đến ngày 21/7/2020 là: 2.119.227.557 đồng. Trong đó gồm: Nợ gốc: 501.780.000 đồng; Nợ lãi trong hạn: 197.403.568 đồng; Nợ lãi quá hạn: 1.420.043.989 đồng.

- Xác định Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất là có hiệu lực pháp luật và có hiệu lực thi hành.

- Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Bị đơn là ông Nguyễn Tương T và bà Nguyễn Thị P cư trú tại: Thôn Quyết Tiến, xã Tiên Phương, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội; Việc Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; thời điểm giao kết HĐTD, HĐTCTS, Bộ luật dân sự năm 2005 đang có hiệu lực pháp luật nên áp dụng Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết tranh chấp.

[2] Về nội dung.

2.1. Xét yêu cầu khởi kiện đòi nợ gốc, tiền lãi trong hạn, quá hạn của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

2.1.1 Xét tính hiệu lực của Hợp đồng tín dụng số 097/HĐTD1-VIB038/10 ngày 17/6/2010 và Khế ước nhận nợ số 097/KUNN1-VIB038/10 ngày 17/6/2010. Số tiền ngân hàng cho vợ chồng ông T, bà P vay 700.000.000 đồng. Nội dung của Hợp đồng tuân thủ các quy định của pháp luật. Xác định Hợp đồng tín dụng số 097/HĐTD1-VIB038/10 ngày 17/6/2010 có hiệu lực pháp luật và các bên phải thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình theo thỏa thuận của Hợp đồng tín dụng.

2.1.2. Xét yêu cầu buộc bị đơn phải trả toàn bộ gốc, lãi phát sinh của nguyên đơn:

Thực hiện Hợp đồng tín dụng, Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam đã giải ngân cho ông T bà P vay đủ số tiền 700.000.000 đồng, bị đơn đã nhận đủ thông qua khế ước nhận nợ. Như vậy, Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam đã thực hiện đúng thỏa thuận trong Hợp đồng.

Sau khi vay được tiền, ông T và bà P mới trả được: 369.705.890đ, trong đó gồm: Nợ gốc 198.220.000đ, lãi trong hạn: 171.460.277đ; lãi quá hạn: 25.613đ. Đến nay ông T, bà P không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo các kỳ trả nợ quy định tại Hợp đồng tín dụng đã ký kết và vẫn chưa thanh toán hết khoản vay trên. Như vậy ông T, bà P đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ ngày 05/12/2011 và bị xác định là vi phạm hợp đồng.

Do đó, Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam khởi kiện đề nghị buộc ông T, bà P phải trả toàn bộ số tiền nợ gốc, tiền lãi trong hạn, tiền lãi quá hạn theo Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ kèm theo là có căn cứ pháp luật, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Theo đó, buộc ông Nguyễn Tương T và bà Nguyễn Thị P phải có nghĩa vụ trả Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam toàn bộ số tiền còn nợ của khoản vay tính đến 21/7/2020 là: 2.119.227.557 đồng. Trong đó gồm: Nợ gốc: 501.780.000 đồng; Nợ lãi trong hạn: 197.403.568 đồng; Nợ lãi quá hạn: 1.420.043.989 đồng.

Kể từ ngày 22/7/2020, ông Nguyễn Tương T và bà Nguyễn Thị P phải tiếp tục chịu lãi đối với số tiền gốc còn nợ theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký.

2.2. Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc xử lý tài sản thế chấp theo thỏa thuận của Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng thế chấp tài sản:

Đối với yêu cầu đề nghị xử lý khối tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản.

Xét: Hợp đồng thế chấp số công chứng: 1732/2010, quyền số 04 TP/CC-SCC/HĐTC ngày 10/06/2010 tại Văn phòng công chứng Hà Đông, TP Hà Nội đã đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Chương Mỹ. Theo đó tài sản đảm bảo cho khoản vay của ông T, bà P là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại thửa đất số 435, tờ bản đồ số 08, tại thôn Quyết Tiến, xã Tiên Phương, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: U 425586 do UBND huyện Chương Mỹ cấp ngày 30/12/2001 cho hộ ông Nguyễn Tương T.

Khi tham gia ký Hợp đồng thế chấp thì không bị ai ép buộc và trực tiếp ký. Hội đồng xét xử xác định: Các bên khi tham gia ký Hợp đồng thế chấp tài sản đã thực hiện đúng về hình thức, trình tự, thủ tục và tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Theo đó thỏa thuận trong Hợp đồng thế chấp có hiệu lực pháp luật và các bên phải thực hiện quyền, nghĩa vụ theo thỏa thuận của Hợp đồng thế chấp tài sản.

Do vậy: Yêu cầu của nguyên đơn đề nghị được xử lý tài sản bảo đảm trong trường hợp bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ là có căn cứ và phù hợp với thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng thế chấp được Hội đồng xét xử chấp nhận. Theo đó, trường hợp ông Nguyễn Tương T và bà Nguyễn Thị P không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam có quyền đề nghị cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại thửa đất số 435, tờ bản đồ số 08, tại thôn Quyết Tiến, xã Tiên Phương, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: U 425586 do UBND huyện Chương Mỹ cấp ngày 30/12/2001 cho hộ ông Nguyễn Tương T.

[3] Về án phí:

Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 thì:

- Ông Nguyễn Tương T và bà Nguyễn Thị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận.

- Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 147, Điều 227, khoản 1 và khoản 2 Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ các Điều: 290, 342, 343, 355, 471, 474, 476, 715, 721 Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ khoản 7 Điều 113, Điều 130 Luật Đất đai năm 2003;

Căn cứ các Điều: 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 về thi hành luật đất đai năm 2003; Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm và Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 về việc sửa đổi, bổ sung Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam.

2. Về trách nhiệm trả nợ: Buộc ông Nguyễn Tương T và bà Nguyễn Thị P phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam toàn bộ số tiền còn nợ theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết tính đến ngày 21/7/2020 là: 2.119.227.557 đồng. Trong đó gồm: Nợ gốc: 501.780.000 đồng; Nợ lãi trong hạn: 197.403.568 đồng; Nợ lãi quá hạn: 1.420.043.989 đồng.

Kể từ ngày 22/7/2020 ông Nguyễn Tương T và bà Nguyễn Thị P phải tiếp tục chịu lãi đối với số tiền gốc còn nợ theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký.

3. Về xử lý tài sản thế chấp:

3.1. Trường hợp ông Nguyễn Tương T và bà Nguyễn Thị P không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc không thanh toán xong khoản nợ thì Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam có quyền đề nghị cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mại khối tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại thửa đất số 435, tờ bản đồ số 08, tại thôn Quyết Tiến, xã Tiên Phương, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: U 425586 do UBND huyện Chương Mỹ cấp ngày 30/12/2001 cho hộ ông Nguyễn Tương T.

3.2. Trường hợp sau khi phát mại tài sản bảo đảm không đủ nghĩa vụ trả nợ thì ông Nguyễn Tương T và bà Nguyễn Thị P vẫn phải có nghĩa vụ thanh toán số nợ gốc, lãi còn lại cho ngân hàng đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

4. Về án phí:

4.1. Ông Nguyễn Tương T và bà Nguyễn Thị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 74.384.551 đồng.

4.2. Trả lại Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam 34.272.000 đồng (Ba mươi tư triệu, hai trăm bảy mươi hai nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Chương Mỹ theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2015/0004796 ngày 21/5/2020.

Án xử công khai sơ thẩm. Báo cho nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành

án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP Hà Nội;
- VKSND huyện Chương Mỹ;
- THA huyện Chương Mỹ;
- Các đương sự;
- Lu HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Tưởng Ngọc Tuấn